

Bản án số: 35/2026/HNGĐ – ST.

Ngày 29/04/2026.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Thêm và ông Hoàng Duy Am.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa:* Ông Phạm Công Đức.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29/04/2026, tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2025/TLST – HNGĐ, ngày 03/11/2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 12/03/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2026/ QĐST – HNGĐ, ngày 31/03/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn B C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử mặt)

Bị đơn: **Ông Vũ Minh K (Vũ Văn K)**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn B C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và ông Vũ Minh K (Vũ Văn K) có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, vào ngày 26/06/1998.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi sinh sống hạnh phúc và sinh được 04 người con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021, vợ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đập tôi, không giành nhiều thời gian quan tâm gia đình. Vì những lý do trên, quan hệ vợ chồng trở lên căng thẳng, tình cảm dần đi xuống, buộc chúng tôi phải chấm dứt cuộc sống chung và ly thân để giành thời gian suy nghĩ về cuộc hôn nhân này. Gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Không sống chung nhưng vẫn liên lạc, mỗi lần liên lạc là xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nên tôi có làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết ly hôn và được Tòa án thụ lý vụ án số 50/2025/HNGĐ, ngày 28/07/2025, sau khi Tòa án thụ lý vợ chồng chúng tôi có suy nghĩ lại và tiếp tục chung sống bản thân tôi có rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình

chỉ giải quyết vụ án số 40/2025/QĐ – ST ngày 26/09/2025. Tuy nhiên thời gian này về chung sống mâu thuẫn ngày trầm trọng hơn, không thể hòa hợp được, nay xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết được ly hôn với ông Vũ Minh K (Vũ Văn K).

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi sinh được 04 người con chung các cháu tên.

1. Cháu Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 14/05/1999.
2. Cháu Vũ Việt A, sinh ngày 27/11/2001.
3. Cháu Vũ Thị Kim K2, sinh ngày 22/04/2005.
4. Cháu Vũ Cát T1, sinh ngày 28/02/2016.

Đối với 03 cháu đầu đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết còn đối với cháu T1 sẽ do tôi trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Về trợ cấp phí tổn nuôi dưỡng con chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản khai bị đơn ông Vũ Minh K (Vũ Văn K) trình bày:* Tôi và bà Nguyễn Thị T có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 26/06/1998.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính cách hai vợ chồng không hòa hợp được nên mâu thuẫn xảy ra, dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn không thể hàn gắn hay đoàn tụ được, dẫn đến hai vợ chồng chúng tôi không sống chung với nhau từ năm 2023 cho đến nay, trong khoảng thời gian này chúng tôi không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau nữa. nên vợ tôi làm đơn ly hôn thì bản thân tôi vẫn đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi sinh được 04 con chung:

1. Cháu tên: Vũ Thị Quỳnh A1, sinh 14/05/1999.
2. Cháu tên: Vũ Việt A, sinh ngày 27/11/2001.
3. Cháu tên: Vũ Thị Kim K2, sinh ngày 22/04/2005.
4. Cháu tên Vũ Cát T1, sinh ngày 28/02/2016.

Đối với 3 cháu đầu hiện nay đã trưởng thành nên tôi không có ý kiến gì? Còn đối với cháu T1 trong trường hợp hai vợ chồng ly hôn thì tùy vào ý kiến của cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay hai vợ chồng chúng tôi đang thỏa thuận, để thống nhất về việc tự chia tài sản chung, trường hợp không tự thống nhất được thì tôi sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật. và tòa án cho tôi một khoảng thời gian nhất định để tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung. Kính mong tòa án xem xét.

* Sau khi thụ lý và quá trình giải quyết Tòa án triệu tập đến Tòa làm việc để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để giải quyết vụ án nhưng ông K không có mặt. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng và quyết định của

Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự nguyên đơn thực hiện đúng, còn bị đơn thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Vũ Minh K (Vũ Văn K)

Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Cát T1, sinh ngày 28/02/2016 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Còn đối với cháu Vũ Thị Quỳnh A1, sinh 14/05/1999; cháu Vũ Việt A, sinh ngày 27/11/2001 và cháu Vũ Thị Kim K2, sinh ngày 22/04/2005 đã trưởng thành nên không đề cập để xem xét.

Về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên HĐXX xét thấy:

[1] **Về tố tụng:** Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết việc ly hôn với ông Vũ Minh K (Vũ Văn K). Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Vũ Minh K (Vũ Văn K) đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 26/06/1998 trên cơ sở tự nguyện, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án thì thấy rằng: Nguyên đơn trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm, ông K không giành nhiều thời gian quan tâm gia đình, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng hơn không thể hàn gắn được. Nên bà T có làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết ly hôn và được Tòa án thụ lý vụ án số 50/2025/HNGĐ, ngày 28/07/2025, sau khi Tòa án thụ lý bà T suy nghĩ lại rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 40/2025/QĐ – ST ngày 26/09/2025 về đoàn tụ. Tuy nhiên thời gian này về chung sống mâu thuẫn ngày trầm trọng hơn, không thể hòa hợp được. Bản thân bị đơn ông K thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là đúng, hiện nay hai vợ chồng

đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa, và đồng ý ly hôn. HĐXX nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông K đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên HĐXX cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị T cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Vũ Minh K (Vũ Văn K1).

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà T và ông K1 sinh được 04 con chung:

1. Cháu tên: Vũ Thị Quỳnh A1, sinh 14/05/1999.
2. Cháu tên: Vũ Việt A, sinh ngày 27/11/2001.
3. Cháu tên: Vũ Thị Kim K2, sinh ngày 22/04/2005.
4. Cháu tên Vũ Cát T1, sinh ngày 28/02/2016.

Đối với cháu Vũ Thị Quỳnh A1, sinh 14/05/1999; cháu Vũ Việt A, sinh ngày 27/11/2001 và cháu Vũ Thị Kim K2, sinh ngày 22/04/2005 đã trưởng thành nên không đề cập để xem xét.

Còn đối với cháu Vũ Cát T1, sinh ngày 28/02/2016, theo nguyện vọng của cháu và yêu cầu của bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T1, xét thấy việc yêu cầu là phù hợp. Nên HĐXX cần giao con chung là cháu Vũ Cát T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Vũ Minh K (Vũ Văn K1).

* **Về con chung:** Giao con chung là cháu Vũ Cát T1, sinh ngày 28/02/2016 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Còn đối với cháu Vũ Thị Quỳnh A1, sinh 14/05/1999; cháu Vũ Việt A, sinh ngày 27/11/2001 và cháu Vũ Thị Kim K2, sinh ngày 22/04/2005 đã trưởng thành nên không đề cập để xem xét.

Về cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Ông K1 được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, **ông K1** không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003544 ngày 28/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Minh Ngọc